

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH: Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

Số: 858/QĐ-TDTTBN

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành kế hoạch đào tạo cho Khóa Đại học 57 hệ chính quy
(niên khóa 2021-2025) của Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL, ngày 01/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ nội dung Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-TDTTBN ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc ban hành chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo các ngành Đại học chính quy của trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ biên bản cuộc họp ngày tháng năm về việc rà soát, điều chỉnh kế hoạch đào tạo cho Khóa đại học 57 hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành 04 kế hoạch đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy cho sinh viên khóa 57 (niên khóa 2021-2025) bao gồm:

1. Kế hoạch đào tạo ngành Giáo dục thể chất (Mã số 7140206);
2. Kế hoạch đào tạo ngành Huấn luyện thể thao (Mã số 7140207);
3. Kế hoạch đào tạo ngành Quản lý Thể dục thể thao (Mã số 7810301);
4. Kế hoạch đào tạo ngành Y sinh học TDTT (Mã số 7729001).

Điều 2. Kế hoạch đào tạo này áp dụng cho khóa Đại học 57 hệ chính quy (niên khóa 2021 – 2025) có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn và các đơn vị trong Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (B/c)
- Như điều 3 (T/h)
- Lưu VT; ĐT, QLKH&HTQT (T12)



PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành theo quyết định số /QĐ-ĐHTDTTBN ngày tháng năm của Hiệu Trưởng Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh)

1. Thông tin chung

Chương trình	Đào tạo đại học chính quy ngành Y sinh học TDTT
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Y sinh học TDTT
Mã ngành	7.72.90.01
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	2019-2023
Số tín chỉ	122
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	2 năm
Áp dụng từ năm tuyển sinh	2019
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Y sinh học TDTT

2. Triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo và định hướng nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người sau quá trình đào tạo trở thành công dân tốt, phát huy hiệu quả tốt nhất năng lực của bản thân, mang lại giá trị cao cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực nắm vững kiến thức cơ bản về thể dục thể thao nói chung và y sinh học thể dục thể thao nói riêng. Sinh viên có đạo đức, trí tuệ, thể chất, kỹ năng thực hành và khả năng vận dụng những tri thức chuyên ngành vào thực tế công tác giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao, công tác y tế chăm sóc sức khỏe cho VĐV cũng như người tham gia tập luyện TDTT

- Mục tiêu cụ thể:

Mã	Mô tả
PO1	Phẩm chất chính trị - đạo đức: - Sau khi hoàn thành chương trình sinh viên phải có: Nhận thức đúng đắn về vị trí nghề nghiệp chuyên môn, luôn phấn đấu suốt đời vì sự nghiệp gìn giữ và tăng cường sức khoẻ nhân dân hướng tới mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống và kéo dài tuổi thọ. - Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Chấp hành đúng đường lối của Đảng, luật pháp của Nhà nước và các quy định của ngành; là những công dân tốt trong cộng đồng xã hội.
PO2	Năng lực chuyên môn: - Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành y sinh học TDDT đáp ứng yêu cầu của công tác huấn luyện, góp phần nâng cao trình độ huấn luyện và thành tích TT. Có đủ kiến thức cơ bản trong chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa chấn thương, bệnh lý xuất hiện trong hoạt động thể dục thể thao. - Về kỹ năng: Biết vận dụng những kiến thức y sinh học TDDT vào thực tiễn công tác giảng dạy và huấn luyện. Có kỹ năng tổ chức các hoạt động y tế trong tập luyện và thi đấu thể thao. Ứng dụng thành thạo các thành tựu khoa học kỹ thuật Y học tiên tiến vào trong công tác chẩn đoán, phục hồi chức năng cho người luyện tập, tuyển chọn vận động viên và phục vụ công tác nghiên cứu khoa học. - Về thái độ và đạo đức nghề nghiệp: Đoàn kết, khiêm tốn học tập không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn. Sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ. Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho mọi người.
PO3	Chức năng công tác (năng lực công tác): - Tổ chức hoạt động y tế tại các trung tâm TDDT, câu lạc bộ TDDT, phục vụ các giải thi đấu thể thao các cấp. - Có khả năng đảm nhiệm công tác y tế cho VĐV trong các đội tuyển thể thao và làm tốt công tác hồi phục chức năng vận động cho VĐV cũng như tất cả mọi người tham gia tập luyện tại các trung tâm y học TDDT hoặc trung tâm điều dưỡng. - Có khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao. - Đảm nhận tốt công tác giảng dạy các môn y sinh học TDDT như giải phẫu vận động, sinh lý TDDT, y học TDDT, vệ sinh TDDT, sinh cơ TDDT, sinh hoá TDDT trong các trường Đại học và cao đẳng TDDT. - Đảm nhận tốt công tác giảng dạy TDDT cũng như chăm sóc, theo dõi sức khỏe và năng lực vận động của VĐV học sinh trong các trường phổ thông và chuyên nghiệp. - Công tác trong các bệnh viện (có năng lực tham gia chẩn đoán, đánh giá, chỉ dẫn, điều trị bằng vận động, lý liệu pháp cho các VĐV và bệnh nhân trong các bệnh viện). - Biết phát hiện sớm các chấn thương và các trạng thái bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu thể thao. Phòng ngừa và xử lý bước đầu các chấn thương thể thao. - Có khả năng giáo dục và cố vấn cho VĐV cũng như đội Y học TDDT về chăm sóc sức khỏe và đề phòng các chấn thương, các bệnh thường gặp trong hoạt động TDDT.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã	Nội dung CĐR
PLO1	Chuẩn về kiến thức
PLO1.1	Nắm được những vấn đề cơ bản về Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;
PLO1.2	Hiểu và cập nhật được các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như định hướng phát triển đất nước trong từng giai đoạn.
PLO1.3	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.
PLO1.4	Kiến thức về thể dục thể thao: Có kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động Thể dục thể thao(TDTT) quần chúng và thể thao thành tích cao; Có kiến thức cơ sở về Lý luận và Phương pháp TDTT; Đạt tiêu chuẩn vận động viên đẳng cấp III của 03 môn thể thao tự chọn.
PLO1.5	Kiến thức về Y sinh học: Hiểu biết cơ bản về thực trạng và xu hướng thay đổi về Y sinh học thể dục thể thao trong nước và quốc tế; Nắm vững những vấn đề cơ bản về cấu tạo, chức năng và hoạt động của cơ thể người trong trạng thái bình thường, trong hoạt động vận động và bệnh lý; Có kiến thức cơ bản về y học dự phòng trong xác định các tác động của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và nghề nghiệp đến sức khỏe.
PLO1.6	Nắm vững các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực y sinh học, về bệnh học, sinh lý bệnh, cấp cứu ban đầu, cách thức phòng ngừa chấn thương, phương pháp điều trị bệnh lý trong hoạt động thể thao.
PLO1.7	Nắm vững các nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và phương pháp xử lý bước đầu các chấn thương và các bệnh thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu thể dục thể thao.
PLO1.8	Có kiến thức đáp ứng yêu cầu của công tác nghiên cứu khoa học, tuyển chọn, huấn luyện vận động viên, góp phần nâng cao trình độ và thành tích thể thao.
PLO1.9	Nắm vững các kiến thức về vận động trị liệu, Thể dục chữa bệnh, Xoa bóp thể thao, Dinh dưỡng thể thao và hồi phục trong thể thao.
PLO1.10	Có kiến thức ngoại ngữ tương đương trình độ A2, có kiến thức tin học tương đương trình độ B
PLO2	Chuẩn về kỹ năng
PLO2.1	Có kỹ năng tổ chức hoạt động y tế phục vụ các giải thi đấu thể thao
PLO2.2	Có kỹ năng giảng dạy các môn Y sinh học thể dục thể thao, có năng lực thực hành chuyên môn về Y sinh học, vận dụng kiến thức Y sinh học thể dục thể thao trong nghiên cứu khoa học, kiểm tra, tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện của người tập thể dục thể thao.
PLO2.3	Có kỹ năng giảng dạy môn Thể dục và công tác y tế tại các trường bậc học phổ thông, trung cấp, cao đẳng và đại học chuyên nghiệp.
PLO2.4	Có kỹ năng về tư vấn, chăm sóc y tế cho vận động viên và người tập thể dục thể thao, có khả năng ứng dụng các phương tiện, các thủ pháp Y học trong sơ cứu các chấn thương, hồi phục chức năng vận động.
PLO2.5	Có khả năng giáo dục và tư vấn cho VĐV về chăm sóc sức khỏe và đề phòng các chấn thương, các bệnh thường gặp trong hoạt động TDTT tại các cơ sở huấn luyện và các câu lạc bộ TDTT.
PLO2.6	Có khả năng tư vấn, biên soạn các bài tập vận động nhằm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ điều trị các bệnh nghề nghiệp ở các ngành nghề khác nhau
PLO2.7	Có khả năng làm việc độc lập, và khả năng thuyết trình tốt.
PLO2.8	Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả, tổ chức hội thảo; đại hội các CLB TDTT.

PLO2.9	Thực hiện được các kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tham gia giám sát các chương trình mục tiêu về y tế dự phòng.
PLO3	Chuẩn về thái độ
PLO3.1	Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm; ý thức tổ chức, kỷ luật; chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của cơ quan.
PLO3.2	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe vận động viên, hết lòng phục vụ người bệnh.
PLO3.3	Có tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị.

3.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và CDR

	PO1	PO2	PO3
PLO1.1	X		
PLO1.2	X	X	
PLO1.3		X	X
PLO1.4		X	
PLO1.5	X		
PLO1.6		X	
PLO1.7	X		X
PLO1.8		X	
PLO1.9	X		X
PLO1.10		X	X
PLO2.1	X		
PLO2.2	X	X	X
PLO2.3	X		X
PLO2.4		X	
PLO2.5	X		X
PLO2.6		X	
PLO2.7	X		X
PLO2.8		X	
PLO2.9	X		X
PLO3.1		X	X
PLO3.2		X	X
PLO3.3		X	X

3.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc trong các Trung tâm huấn luyện TDTT, trong các đơn vị TDTT cơ sở, cán bộ Y sinh học tại các Sở văn hóa, Thể thao và du lịch; các trường nghiệp vụ TDTT, cán bộ chăm sóc sức khỏe tại các đội tuyển TDTT... Hoặc là cán bộ giảng dạy các môn Y sinh học TDTT, các môn thể thao trong các trường của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Khả năng học tập nâng cao: Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sỹ và tiến sỹ chuyên ngành Y sinh học TDTT, học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành TDTT tại các trường.

4. Chuẩn đầu vào

Ngoài quy định chung tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD - ĐT, thí sinh thi vào học ngành Y sinh học TDTT phải có năng khiếu TDTT, cơ thể cân đối, không bị dị tật, dị hình, có sức khỏe và thể lực tốt để đảm bảo học tập và công tác TDTT lâu dài. Chiều cao tối thiểu đối với nam là 165 cm, nữ là 155 cm.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thực hiện theo quy chế 25 ban hành ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục Đào tạo.

5.1. Quy trình đào tạo

- Hệ chính quy tập trung, đào tạo 4 năm gồm 8 học kỳ
- Sinh viên thi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục - Đào tạo.
- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được công nhận và cấp bằng cử nhân Y học

TDĐT.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Về nhân cách: Đến thời điểm xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật, đình chỉ học tập, không trong thời gian thi hành án hoặc khởi tố.
- Về học lực: Tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình. Điểm trung bình chung học tập đạt từ 5.00 trở lên.

6. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức đại cương	30	
2. Kiến thức cơ sở ngành	31	
3. Kiến thức ngành	47	
4. Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp	14	
Tổng số	122	

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
A	Các môn đại cương		30		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	1ĐC301	5	1	
	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	1ĐC302		2	
2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản VN	1ĐC303	3	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC304	2	3	
4	Ngoại ngữ 1	1ĐC201	6	1	
	Ngoại ngữ 2	1ĐC202		2	
5	Tin học đại cương	1ĐC103	2	6	
6	Tâm lý học đại cương	1TL101	2	3	
7	Giáo dục học đại cương	1TL201	2	4	
8	Thống kê toán học	1ĐC101	2	3	
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC106	2	4	
10	Quản lý hành chính nhà nước	1QL201	2	4	
11	Pháp luật đại cương	1QL101	2	2	
12	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	1QP001	3	1	
13	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	1QP002	2	1	
14	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1QP003	1	1	
B	Kiến thức cơ sở ngành		31		
	Bắt buộc:		10		
1	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS301	2	2	
2	Sinh lý Thể dục thể thao 1	1YS302	4	5	
	Sinh lý Thể dục thể thao 2	1YS701		6	
3	Vệ sinh Thể dục thể thao	1YS201	2	1	
4	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	LL001GYQ	2	5	

	Tự chọn 1 (5/21 tín chỉ)		5		
5	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102H YQ	2		
6	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202H YQ	2		
7	Y học Thể dục thể thao	1YS101	3	7	
8	Đo lường Thể thao	1ĐC102	2	5	
9	Quản lý Thể dục thể thao	1QL202Y	2		
10	Xã hội học Thể dục thể thao	1QL304G HY	2		
11	Đường lối Thể dục thể thao của đảng cộng sản Việt Nam	1ĐC303	2		
12	Lịch sử Thể dục thể thao	1LL007	2		
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1ĐC203Y	2		
14	Văn hóa thể thao	1TL204	2		
	Tự chọn 2 (16/34 tín chỉ)		16		
15	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền Kinh	1ĐK007G YQ	2	2	
16	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	1TD007G YQ	2	1	
17	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	1BL007G YQ	2	3	
18	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	1TD009G YQ	2		
19	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	1BD007G YQ	2	5	
20	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	1BB007G YQ	2		
21	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	1BR007G YQ	2	4	
22	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	1BC007G YQ	2		
23	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	1BN007G YQ	2		
24	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	1QV007G YQ	2	4	
25	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	1CV007G YQ	2		
26	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	1CL007G YQ	2		
27	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	1BS007G YQ	2		
28	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	1VA007G YQ	2		
29	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	1VO007G YQ	2	6	
30	Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn Thể thao dân tộc	1BS008G YQ	2		
31	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	1GO007G YQ	2	5	

C	Các môn kiến thức ngành		47		
	Chuyên ngành Y học TDTT và sức khỏe				
	Bắt buộc:		32		
1	Kiểm tra y học	1YS103Y	4	7	
2	Hồi phục Thể thao	1YS601Y	2	7	
3	Xoa bóp Thể thao	1YS603Y	6	2,3,4	
4	Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu	1YS808Y	3	7	
5	Bệnh học Nội khoa	1YS805Y	2	5	
6	Bệnh học Ngoại khoa	1YS806Y	2	6	
7	Cấp cứu ban đầu	1YS802Y	3	4	
8	Y tế cơ sở	1YS801Y	3	4	
9	Thế dục chữa bệnh	1YS602Y	3	8	
10	Dinh dưỡng Thể thao	1YS402Y	4	5	
	Tự chọn (15/26 tín chỉ)		15		
11	Giải phẫu vận động	1YS702Y	3	3	
12	Sinh hóa Thể dục thể thao	1YS401Y	3	4	
13	Sinh cơ Thể dục thể thao	1YS501Y	3	3	
14	Sinh lý huấn luyện	1YS303Y	3	5	
15	Di truyền học và tuyển chọn	1YS807Y	3	8	
16	Sinh lý bệnh	1YS304Y	2		
17	Dược học cơ sở	1YS804Y	3		
18	Y học cổ truyền	1YS803Y	3		
19	Vệ sinh phòng bệnh	1YS202Y	3		
D	Thực tập nghề nghiệp				
	Thực tập nghiệp vụ				
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001	3	5	
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002	5	7	
3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế	1LV001	6	8	
	Học phần chuyên môn thay thế:				
1	Học phần chuyên môn thay thế 1	1LL008G YQ	3	8	
2	Học phần chuyên môn thay thế 2	1YS102G HY	3	8	
E	Chuyên ngành 2				
1	Sinh viên lựa chọn theo nhu cầu (*)		18		
Tổng			122		

7. Đề cương chi tiết các học phần (có đề cương kèm theo)

8. Ma trận liên kết các học phần và CĐR

T T	Mã HP	Tên Hp	LOP1										LOP2									LOP3		
			LOP 1.1	LOP 1.2	LOP 1.3	LOP 1.4	LOP 1.5	LOP 1.6	LOP 1.7	LOP 1.8	LOP 1.9	LOP 1.10	LOP 2.1	LOP 2.2	LOP 2.3	LOP 2.4	LOP 2.5	LOP 2.6	LOP 2.7	LOP 2.8	LOP 2.9	LOP 3.1	LOP 3.2	LOP 3.3
		Các môn đại cương																						
1.	1ĐC301	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	X	X																		X	X	
2.	1ĐC302	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	X	X																		X	X	
3.	1ĐC303	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	X	X																		X	X	
4.	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X																		X	X	
5.	1ĐC201	Ngoại ngữ 1										X		X						X	X	X		
6.	1ĐC202	Ngoại ngữ 2										X		X						X	X	X		
7.	1ĐC103	Tin học đại cương			X							X		X						X	X	X		
8.	1TL101	Tâm lý học đại cương			X																	X		
9.	1TL201	Giáo dục học đại cương			X																	X		
10.	1ĐC101	Thông kê toán học			X																	X		
11.	1ĐC106	Phương pháp nghiên cứu khoa học			X																	X		
12.	1QL201	Quản lý hành chính nhà nước		X																		X		
13.	1QL101	Pháp luật đại cương		X																		X		
14.	1QP001	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	X	X																X	X	X		
15.	1QP002	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	X	X																X	X	X		
16.	1QP003	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	X	X																X	X	X		
		Kiến thức cơ sở ngành																						
		Bắt buộc:																						
17.	1YS301	Giải phẫu Thể dục thể thao				X	X							X										
18.	1YS302	Sinh lý Thể dục thể thao 1				X	X							X										
19.	1YS701	Sinh lý Thể dục thể thao 2				X	X							X										
20.	1YS201	Vệ sinh Thể dục thể thao				X	X							X										
21.	1LL001G YQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất				X																		
		Tự chọn 1 (5/21 tín chỉ)																						
22.	1TL102HYQ	Tâm lý học Thể dục thể thao				X								X		X								
23.	1TL202H YQ	Giáo dục học Thể dục thể thao				X								X		X								
24.	1YS101	Y học Thể dục thể thao				X	X							X	X	X								
25.	1ĐC102	Đo lường Thể thao				X								X		X								

26.	1QL202Y	Quản lý Thể dục thể thao				X							X		X									
27.	1QL304G HY	Xã hội học Thể dục thể thao				X							X		X									
28.	1ĐC303	Đường lối Thể dục thể thao của đảng cộng sản Việt Nam	X			X							X		X									
29.	1LL007	Lịch sử Thể dục thể thao	X			X							X		X									
30.	1ĐC203Y	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X			X							X		X									
31.	1TL204	Văn hóa thể thao	X			X							X		X									
		Tự chọn 2 (16/34 tín chỉ)											X		X									
32.	1ĐK007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền Kinh				X							X		X									X
33.	1TD007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục				X							X		X									X
34.	1BL007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội				X							X		X									X
35.	1TD009G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo				X							X		X									X
36.	1BD007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá				X							X		X									X
37.	1BB007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn				X							X		X									X
38.	1BR007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ				X							X		X									X
39.	1BC007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền				X							X		X									X
40.	1BN007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném				X							X		X									X
41.	1QV007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt				X							X		X									X
42.	1CV007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua				X							X		X									X
43.	1CL007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông				X							X		X									X
44.	1BS007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng				X							X		X									X
45.	1VA007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật				X							X		X									X
46.	1VO007GYC	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ				X							X		X									X

47.	1BS008G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn Thể thao dân tộc				X							X		X									X
48.	1GO007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf				X							X		X									X
		Các môn kiến thức ngành																						
		Bắt buộc:																						
49.	1YS103Y	Kiểm tra y học					X	X	X	X				X		X			X		X		X	X
50.	1YS601Y	Hồi phục Thể thao					X	X	X					X		X		X	X				X	X
51.	1YS603Y	Xoa bóp Thể thao					X	X	X		X			X		X		X	X				X	X
52.	1YS808Y	Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu					X	X	X		X			X		X			X				X	X
53.	1YS805Y	Bệnh học Nội khoa					X	X	X					X			X		X				X	X
54.	1YS806Y	Bệnh học Ngoại khoa					X	X	X					X			X		X				X	X
55.	1YS802Y	Cấp cứu ban đầu					X	X	X					X			X		X		X		X	X
56.	1YS801Y	Y tế cơ sở					X	X	X					X			X		X		X		X	X
57.	1YS602Y	Thê dục chữa bệnh					X	X	X		X			X			X	X	X				X	X
58.	1YS402Y	Dinh dưỡng Thể thao					X	X		X	X			X			X		X				X	X
		Tự chọn (15/26 tín chỉ)																						
59.	1YS702Y	Giải phẫu vận động					X			X				X									X	X
60.	1YS401Y	Sinh hóa Thê dục thể thao					X			X				X									X	X
61.	1YS501Y	Sinh cơ Thê dục thể thao					X							X									X	X
62.	1YS303Y	Sinh lý huấn luyện					X			X				X									X	X
63.	1YS807Y	Di truyền học và tuyển chọn					X			X				X									X	X
64.	1YS304Y	Sinh lý bệnh					X	X	X					X									X	X
65.	1YS804Y	Dược học cơ sở					X	X	X	X				X					X				X	X
66.	1YS803Y	Y học cổ truyền					X	X	X					X									X	X
67.	1YS202Y	Vệ sinh phòng bệnh					X	X	X					X		X	X				X		X	X
		Thực tập nghề nghiệp																						
		Thực tập nghiệp vụ																						
68.	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1	X		X		X	X	X		X				X				X		X	X	X	X
69.	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	X		X		X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
70.	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế																				X	X	X
		Học phần chuyên môn thay thế:																						
71.	1LL008GYC	Học phần chuyên môn thay thế 1		X	X	X	X								X				X				X	
72.	1YS102GHY	Học phần chuyên môn thay thế 2				X		X	X	X	X		X						X				X	

9. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

9.1. Phương pháp giảng dạy

TT	Mã PP	Tên PP
1	PPD1	Thuyết giảng
2	PPD2	Tổ chức học tập theo nhóm
3	PPD3	Dạy học dựa trên vấn đề
4	PPD4	Giảng dạy thông qua thảo luận
5	PPD5	Giảng dạy thông qua thực hành

(Tùy thầy cô đặt mã, tuy nhiên nên đặt mã ngắn gọn dễ hiểu không quá 5 ký tự. Nội dung của phương pháp phải có và có thể giải thích tại phụ lục)

* Sự tương thích của PP giảng dạy với CDR CTĐT (dùng dấu x)

	PPD1	PPD2	PPD3	PPD4	PPD5
PLO1.1	X		X	X	
PLO1.2	X		X	X	
PLO1.3	X		X	X	
PLO1.4	X	X	X	X	X
PLO1.5	X	X	X	X	X
PLO1.6	X	X	X	X	X
PLO1.7		X	X	X	X
PLO1.8		X	X	X	X
PLO1.9		X	X	X	X
PLO1.10	X	X	X	X	
PLO2.1		X		X	X
PLO2.2	X	X	X		X
PLO2.3	X	X	X	X	X
PLO2.4	X	X	X	X	X
PLO2.5	X	X	X	X	X
PLO2.6	X	X	X	X	X
PLO2.7	X			X	
PLO2.8		X		X	
PLO2.9		X	X	X	
PLO3.1	X		X		
PLO3.2	X				X
PLO3.3	X	X		X	X

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Mã PP	Tên PP
1	PDG1	Tham dự lớp
2	PDG2	Thảo luận
3	PDG3	Làm việc nhóm
4	PDG4	Thuyết trình
5	PDG5	Bài tập
6	PDG6	Thực hành
7	PDG7	Thi giữa môn học
8	PDG8	Thi cuối môn học

(Tùy thầy cô đặt mã, tuy nhiên nên đặt mã ngắn gọn dễ hiểu không quá 5 ký tự. Nội dung của phương pháp đánh giá phải có và có thể giải thích tại phụ lục)

* Sự tương thích của PP đánh giá với CĐR CTĐT (dùng dấu x)

	PDG1	PDG2	PDG3	PDG4	PDG5	PDG6	PDG7	PDG8
PLO1.1	X						X	X
PLO1.2	X						X	X
PLO1.3	X						X	X
PLO1.4	X		X			X	X	X
PLO1.5	X	X	X	X	X		X	X
PLO1.6	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO1.7	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO1.8	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO1.9	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO1.10	X	X	X				X	X
PLO2.1	X		X			X	X	X
PLO2.2	X			X		X	X	X
PLO2.3	X			X		X	X	X
PLO2.4	X	X	X			X	X	X
PLO2.5	X	X		X			X	X
PLO2.6	X	X		X	X	X	X	X
PLO2.7	X			X			X	X
PLO2.8	X	X	X	X			X	X
PLO2.9	X		X	X			X	X
PLO3.1	X						X	X
PLO3.2	X		X				X	X
PLO3.3	X		X				X	X

10. Các chương trình đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Hồng Đức Đại học Hùng Vương

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh Khoa Công nghệ Hóa học

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Bắc Kinh-Trung Quốc

Chương trình đào tạo Đại học của Học viện TDTT Thượng Hải – Trung Quốc

Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Matcova – Nga

11. Tiêu chuẩn đội ngũ giảng viên, nhân lực hỗ trợ

- Tính đến 25/8/2021 Khoa Y sinh học TDTT có tổng số 13 đ/c giảng viên, cán bộ: Trong đó: GVCC: 01, GVC: 05, Tiến sĩ: 05; Thạc sĩ: 07; NCS: 01

12. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Khoa đang quản lý 01 phòng thực hành, 01 kho, 03 phòng làm việc.

13. Hướng dẫn và thực hiện

Kế hoạch chiến lược phát triển khoa Y sinh học TDTT bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi, những mục tiêu, nội dung, giải pháp khái quát, cơ bản nhằm định hướng phát triển Khoa. Tổ chức thực hiện và đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch chiến lược có ý nghĩa quan trọng. Cần tập trung làm tốt một số công việc chủ yếu sau:

Quản trị, phổ biến, tuyên truyền Kế hoạch chiến lược trong toàn Khoa và các bên liên quan.

Khoa cụ thể hóa Kế hoạch chiến lược trong từng giai đoạn, năm học. Các Bộ môn xây dựng kế hoạch thực hiện kế hoạch chiến lược của đơn vị mình.

Tổ chức thực hiện thành công Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Khoa yêu cầu các tổ chức đoàn thể, đơn vị và các cá nhân nghiêm túc thực hiện.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA ĐẠI HỌC 57 (NK: 2021-2025)
NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (Mã số: 7.72.90.01)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 858/QĐ-TDTTBN ngày 15 tháng 9 năm 2021)

TT	CÁC MÔN HỌC	Số tín chỉ	Số giờ	Học phần	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
A	Các môn đại cương	30	450	13								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	5	75	2	30	45						
2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	3	45	1			45					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	1			30					
4	Ngoại ngữ	6	90	2	45	45						
5	Tin học đại cương	2	30	1						30		
6	Tâm lý học đại cương	2	30	1			30					
7	Giáo dục học đại cương	2	30	1				30				
8	Thống kê toán học	2	30	1					30			
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	1					30			
10	Quản lý hành chính nhà nước	2	30	1						30		
11	Pháp luật đại cương	2	30	1		30						
12	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	3	45	1	45							
13	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	2	30	1	30							
14	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1	30	1	30							
15	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	2	60	1	60							
B	Kiến thức cơ sở ngành	31	630	15								
	Bắt buộc:											
1	Giải phẫu Thể dục thể thao	2	30	1		30				30	30	
2	Sinh lý Thể dục thể thao	4	60	2								
3	Vệ sinh Thể dục thể thao	2	30	1	30					30		
4	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	2	30	1								
	Tự chọn 1 (5/21 tín chỉ)											
5	Tâm lý học Thể dục thể thao	2	30									
6	Giáo dục học Thể dục thể thao	2	30									45
7	Y học Thể dục thể thao	3	45	1					30			
8	Đo lường Thể thao	2	30	1								
9	Quản lý Thể dục thể thao	2	30									
10	Xã hội học Thể dục thể thao	2	30									
11	Đường lối Thể dục thể thao của đảng cộng sản Việt Nam	2	30									
12	Lịch sử Thể dục thể thao	2	30									
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30									
14	Văn hóa thể thao	2	30									
	Tự chọn 2 (16/34 tín chỉ)											
15	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền Kinh	2	60	1		60						
16	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	2	60	1	60							
17	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	60	1			60					
18	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	2	45	1					45	★		
19	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	2	45	1								
20	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	2	45	1				45	★			
21	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	2	45	1								
22	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	2	45	1				45	★			
23	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	2	45	1								
24	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	2	45	1								
25	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	2	45									
26	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	2	45									
27	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	2	45									
28	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	2	45	1						45	★	
29	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	2	45	1								
30	Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn Thể thao dân tộc	2	45	1					45	★		
31	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	2	45	1								
C	Các môn kiến thức ngành	47	825	17								
	Chuyên ngành Y học TDTT và sức khỏe											
	Bắt buộc:											
1	Kiểm tra y học	4	60	1							60	
2	Hồi phục Thể thao	2	45	1							45	★
3	Xoa bóp Thể thao	6	135	3	45	★	45	★	45	★		
4	Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu	3	60	1						60	★	
5	Bệnh học Nội khoa	2	30	1					30			
6	Bệnh học Ngoại khoa	2	30	1						30		
7	Cấp cứu ban đầu	3	60	1			60	★				
8	Y tế cơ sở	3	45	1			45					
9	Thể dục chữa bệnh	3	60	1							60	★
10	Dinh dưỡng Thể thao	4	60	1						60		
	Tự chọn (15/26 tín chỉ)											
11	Giải phẫu vận động	3	60	1			60					
12	Sinh hóa Thể dục thể thao	3	45	1				45				
13	Sinh cơ Thể dục thể thao	3	45	1					45			
14	Sinh lý huấn luyện	3	45	1						45		
15	Di truyền học và tuyển chọn	3	45	1							45	
16	Sinh lý bệnh	2	30									
17	Dược học cơ sở	3	45									
18	Y học cổ truyền	3	45									
19	Vệ sinh phòng bệnh	3	45									
D	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp	14	630	3								
	Thực tập nghề nghiệp											
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	3	135	1					135			
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	5	225	1							225	
3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyển môn thay thế	6	270	1								270
	Học phần chuyển môn thay thế:											
1	Học phần chuyển môn thay thế 1	3	135	1								135
2	Học phần chuyển môn thay thế 2	3	135	1								135
E	Chuyên ngành 2											
1	Sinh viên lựa chọn theo nhu cầu (*)	18	450	6			75	75	75	75	75	75
	Tổng cộng	122	2535	48	165	255	345	375	390	195	435	375

Điều kiện đăng cấp VDV: Ba môn thể thao tự chọn đạt đẳng cấp 3.

Ghi chú: ★ là môn học trong đó có 1 tín chỉ lý thuyết

★ SV chọn 1/15 môn thể thao; hoặc Quản lý TDTT; hoặc Y học TDTT & sức khỏe

(*) SV chọn 1/15 môn thể thao; hoặc Quản lý TDTT; hoặc Y học TDTT & sức khỏe

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THỂ DỤC THỂ THAO
BẮC NINH
PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc